

Bản án số: 116/2022/DS-PT

Ngày: 11/5/2022

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thọ Định, kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLPT-DS ngày 19/01/2022, về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1508/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

Người đại diện ủy quyền của bà L: Ông Lê Văn A; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/01/2020). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T và Cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định; Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V; cư trú tại: Số 85 T, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng.

Người đại diện ủy quyền của chị V: Ông Phan Thành T; cư trú tại: Tp. Hồ Chí M là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/02/2020). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P. Vắng.

2. Chị Nguyễn Thị Kim C. Có mặt.

Cùng cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Chị Nguyễn Thị Như S; Cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

Người đại diện ủy quyền của bà P, chị C, chị S: Ông Lê Văn A; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23/4/2020). Có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Thùy L; Cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

5. Bà Trương Tô C; Cư trú tại: England. Vắng.

6. A Nguyễn Quốc A; Cư trú tại: England. Vắng.

7. A Nguyễn Quốc V; Cư trú tại: England. Vắng.

8. Chị Nguyễn Thị Hồng V; Cư trú tại: thành phố Hồ Chí M. Vắng.

Người đại diện ủy quyền của bà C, anh A, anh V, chị V: Chị Nguyễn Thị Thùy L; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019, 29/4/2020). Có mặt.

9. Chị Võ Thị Xuân H; Cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

10. Chị Võ Thị Phương L; Cư trú tại: 85 T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng.

11. A Võ Như A T. Vắng.

12. A Võ H C. Vắng.

Cùng cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện ủy quyền của chị L, anh T, anh C: Chị Võ Thị Xuân H; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/4/2020). Có mặt.

13. Chị Nguyễn Thị Thúy P; cư trú tại: tỉnh Bình Định. Có mặt.

Người đại diện ủy quyền của chị P: Chị Nguyễn Thị Thùy L; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/5/2020). Có mặt.

14. Bà Nguyễn Thị Xuân T; Cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

15. Bà Nguyễn Thị T T; cư trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

16. Bà Trần Thị Quốc A; cư trú tại: tỉnh Khánh Hòa. Vắng.

Người đại diện ủy quyền của bà A: A Nguyễn A K; cư trú tại: tỉnh Khánh Hòa là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/02/2021). Có mặt.

17. A Nguyễn A K; cư trú tại: tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

18. A Nguyễn V H; cư trú tại: Số 85 T, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng.

Người đại diện ủy quyền của anh H: Ông Phan Thành T; cư trú tại: Tp. Hồ Chí M là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 1611/2020). Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê V A trình bày:

Nhà đất số 85 đường T, phường L, Tp.Q, tỉnh Bình Định diện tích 177,90m² đã được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở (GCNQSH) số 11418 ngày 23 tháng 4 năm 2004 đứng tên ông Nguyễn C (chết năm 1986) và bà Trần Thị C (chết năm 2013). Ngày 21 tháng 6 năm 2004 tại phòng công chứng (PCC) số 1 tỉnh Bình Định, bà C và các con đã ký Hợp đồng (HD) tặng cho 90,1m² cho bà Nguyễn Thị Xuân T và Nguyễn Thị T T và bà T, bà T đã được UBND Tp.Q cấp GCNQSH số AB326900 ngày 22/11/2006. Diện tích còn lại (177,90m² – 90,1m²) = 87,8m², đo đạc thực tế 84,7m².

Năm 2006 gia đình có lập Biên bản thỏa thuận cử người quản lý tài sản và di sản thờ cúng. Biên bản do ông Nguyễn K lập vào năm 2006, thành phần gồm có: cụ Trần Thị C, ông Nguyễn K, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Xuân T, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị T T. Tất cả các thành viên trong gia đình ký vào văn bản thỏa thuận trừ ông H và bà Nguyễn Thị Thanh H. Theo biên bản các thành viên thống nhất: ông Nguyễn Hữu H được quản lý, trong coi, sử dụng nhà để ở và thờ cúng nhưng không được tặng cho, chuyển nhượng, chuyển đổi, thế chấp hoặc cho thuê nếu không có sự đồng ý của những người thừa kế. Năm 2017 ông H chết nên Biên bản thỏa thuận cử người quản lý tài sản và di sản thờ cúng không còn giá trị. Bà L yêu cầu không thực hiện Biên bản thỏa thuận cử người quản lý tài sản và di sản thờ cúng năm 2006 và chia thừa kế theo pháp luật.

Ông Nguyễn C (chết năm 1986), bà Trần Thị C (chết năm 2013) không để lại di chúc. Ông C, bà C không có con riêng, con nuôi. Cha, mẹ ông C chết trước ông C. Cha, mẹ bà C chết trước bà C. Ông C, bà C có 08 người con chung: Ông Nguyễn K (chết năm 2012) có vợ là Nguyễn Thị P. Ông K, bà P có 05 con chung là Nguyễn Thị Thúy P, Nguyễn Thị Thùy L, Nguyễn Thị Như S, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Thị Hồng V; bà Nguyễn Thị Thanh H (chết năm 2016) có chồng là Võ Như K (chết năm 2018). Bà H, ông K có 04 con chung là Võ Thị Phương L, Võ Thị Xuân H, Võ Như A T và Võ H C; ông Nguyễn Quốc M (chết năm 2017) có vợ là Chương Tổ C. Ông M, bà C có 02 con chung là Nguyễn Quốc A và Nguyễn Quốc V; ông Nguyễn Quốc H (chết năm 1990) có vợ là Trần Thị Quốc A. Ông H, bà A có 01 con chung là Nguyễn A K; ông Nguyễn Hữu H (chết

năm 2017) có vợ là Nguyễn Thị V. Ông H, bà V có 01 con chung là Nguyễn V H; bà Nguyễn Thị Xuân T; bà Nguyễn Thị Thu L; bà Nguyễn Thị T T.

Bà L yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nhà đất diện tích 84,7m² cho 8 kỳ phần. Bà L yêu cầu được nhận phần di sản bằng hiện vật và có nghĩa vụ thanh toán lại 07 kỳ phần cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người liên quan của anh H là anh Phan Thành T trình bày: Thống nhất như nguyên đơn trình bày về hàng thừa kế, việc cấp GCNQSH, HĐ tặng cho và thống nhất diện tích nhà đất 87,8m² nhưng đo đạc thực tế 84,7m² là di sản thừa kế của ông C, bà C chưa chia. Tuy nhiên, phần di sản này khi còn sống bà C và các anh chị em của ông H đã cho miệng cho vợ chồng anh H, chị V được ghi nhận tại Biên bản thỏa thuận cử người quản lý tài sản và di sản thờ cúng năm 2006. Theo Biên bản này, do thấy hoàn cảnh khó khăn của vợ chồng anh H, chị V chăm sóc mẹ già và trông nom nhà cửa, thờ tự gia đình, kinh tế khó khăn, không có nhà ở, là con út trong gia đình và sinh cháu trai Nguyễn V H. Vì thế, bà C và các con họp lại và quyết định phân nhà đất còn lại tại địa chỉ 85 T với diện tích 87,8m² cho vợ chồng anh H, chị V để vợ chồng anh H, chị V an tâm chăm sóc cho mẹ già và thờ tự gia đình. Các anh chị em chồng bà V đã có nhà riêng, đời sống giàu có, ổn định, có người ở nước ngoài. Riêng gia đình bà V là con út, ảnh hưởng văn hóa Phương Đông vợ chồng bà ở cùng mẹ chồng và nuôi mẹ già cho đến khi mẹ chồng chết năm 92 tuổi. Trước khi chồng bà V chết, ông ấy đã vật lộn với bệnh ung thư 03 năm, một mình bà V chịu đựng đau khổ nhưng vẫn phải gánh vác việc thờ tự gia đình nhà chồng. Hàng năm phía chồng có cả chục đám giỗ và do bà V cán đáng hai mươi năm nay. Bà V bỏ tiền và công sức xây dựng, sửa chữa nhà cửa nhiều lần nên các anh chị em chồng bà V thương xót mới cho nhà đất trên để bà V cố gắng hơn nữa vì gia đình chồng. Nhưng nay anh chị em chồng bà V khởi kiện chia thừa kế là vô đạo lý và trái pháp luật. Bà đã bỏ công sức tôn tạo, bảo quản di sản tổng số tiền 7.307.000.000đ, cụ thể: C phí tổ chức đám tang; chi phí tiền ăn uống, sinh hoạt, cấp dưỡng cho cha mẹ Từ năm 1989 đến năm 2013; chi phí cho việc quản lý tài sản của anh H từ 1989 đến 2001; chi phí cho việc quản lý tài sản của bà V từ năm 2001 đến năm 2020; chi phí tiền trợ cấp, thuốc thang, bác sĩ bà Trần Thị C (mẹ chồng bà V); chi phí Tiền công lao động của anh H trước 2001; chi phí Tiền công lao động của anh H và bà V sau 2001; chi phí Tiền bồi thường thiệt hại về nhà cửa hư hỏng; thuế, phí và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước; tiền mượn.

Bà V yêu cầu được sử dụng phần diện tích 44,5m² phía trước để thờ cúng và cam kết không chuyển nhượng diện tích đất này; Phần diện tích còn lại phía sau chia thừa kế bà V không có ý kiến gì; Bà V yêu cầu tính công sức tôn tạo, bảo quản di sản số tiền 7.307.000.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 465, 467, 631, 633, 634, 638, 639, 674, 675, 676, 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu L.

1. Bà Nguyễn Thị Thu L được sở hữu, sử dụng nhà đất và công trình xây dựng trên phần diện tích 84,7m² địa chỉ số 85 đường T, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định đã được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở số 11418 ngày 23 tháng 4 năm 2004 đứng tên ông Nguyễn C (chết năm 1986) và bà Trần Thị C (Có sơ đồ kèm theo).

2. Bà Nguyễn Thị Thu L có nghĩa vụ thanh toán cho:

2.1. Bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Thị Thúy P, chị Nguyễn Thị Thùy L, chị Nguyễn Thị Như S, chị Nguyễn Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Hồng V số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

2.2. Chị Võ Thị Phương L, chị Võ Thị Xuân H, anh Võ Như A T và anh Võ H C số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

2.3. Bà Chương Tổ C, anh Nguyễn Quốc A và anh Nguyễn Quốc V số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

2.4. Bà Trần Thị Quốc A và anh Nguyễn A K số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

2.5. Bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

2.6. Bà Nguyễn Thị T T số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

2.7. Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn V H số tiền 1.900.666.000đ (Một tỷ chín trăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)

3. Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn V H được lưu cư 06 tháng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2021, bà Nguyễn Thị V kháng cáo không đồng ý chia thừa kế, vì cho rằng đây là tài sản riêng của bà Trần Thị C (mẹ chồng bà V) đã tặng cho tài sản này cho vợ chồng bà; đồng thời yêu cầu tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giao cho bà nhà có đất với diện tích bề ngang 03m, dài 10m phía trước mặt đường 85 T để bà sinh sống, làm ăn và tiếp tục thờ tự ông bà.

Ngày 13/12/2021, bà Nguyễn Thị Thu L kháng cáo không đồng ý việc để bà V lưu cư 06 tháng và được hưởng công sức đóng góp, bảo quản di sản là 01 suất thừa kế; đề nghị tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ cho bà V lưu cư 03 tháng và chỉ được hưởng hưởng công sức đóng góp, bảo quản di sản là 1/2 suất thừa kế.

Ngày 12/12/2021, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Xuân T kháng cáo không đồng ý cho bà V được hưởng công sức đóng góp, bảo quản di sản là 01

suất thừa kế và các bà là người cao tuổi nhưng tòa án cấp sơ thẩm không cho miễn án phí là không đúng; đề nghị tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ cho bà V được hưởng hưởng công sức đóng góp, bảo quản di sản là 1/2 suất thừa kế và miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Xuân T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, nhận thấy:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định nhà đất số 85 đường T, phường L, Tp.Q, tỉnh Bình Định, có diện tích 177,90m² đã được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu (GCNQSH) số 11418 ngày 23/4/2004 đứng tên ông Nguyễn C (chết năm 1986) và bà Trần Thị C. Ngày 21/6/2004 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Định, bà C và các con đã ký Hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị Xuân T và Nguyễn Thị T diện tích 90,1m² và bà T, bà T đã được UBND Tp.Q cấp GCNQSDĐ số AB326900 ngày 22/11/2006. Diện tích còn lại (177,90m² - 90,1m²) = 87,8m² (đo đạc thực tế 84,7m²) là di sản thừa kế của ông C, bà C chưa chia.

Bà V cho rằng phần diện tích nhà đất 84,7m² bà C và các con đã tặng cho vợ chồng bà được ghi nhận tại Biên bản thỏa thuận cử người quản lý tài sản và di sản thờ cúng năm 2006. Tuy nhiên, Biên bản thỏa thuận này chỉ có nội dung: “*ông Nguyễn Hữu H ... được quyền quản lý, trông coi, sử dụng ngôi nhà để ở và thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ nhưng không được tự ý tặng cho, chuyển nhượng, chuyển đổi, thế chấp hoặc cho thuê ...*”. Xét thấy, Biên bản thỏa thuận này chỉ ghi nhận nội dung cử anh H quản lý di sản, không được tặng cho, chuyển nhượng, chuyển đổi, thế chấp hoặc cho thuê nếu không được những người thừa kế đồng ý bằng văn bản là phù hợp quy định điểm b khoản 1 Điều 638 Bộ luật Dân sự năm 2005. A H là người được cử quản lý di sản đã chết năm 2017, chị V yêu cầu được tiếp tục quản lý di sản phần diện tích 44,5m² để sử dụng, thờ cúng nhưng không được những người thừa kế chấp nhận và cũng không phù hợp về diện tích được tách thừa theo quy định của UBND tỉnh Bình Định. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L để chia di sản thừa kế là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Xuân T, nhận thấy:

[2.1] Về yêu cầu tính công sức tôn tạo, bảo quản di sản: Xét thấy khi bà C còn sống anh H và chị V sống chung nhà và trực tiếp chăm sóc bà C khi ốm đau, sau khi bà C mất anh H, chị V trực tiếp quản lý, sử dụng thửa nhà đất này cũng như chăm lo việc thờ cúng bảo quản di sản. Do đó, án sơ thẩm tính công sức đóng góp, quản lý di sản của anh H tương đương 01 suất thừa kế là phù hợp.

[2.2] Về thời hạn lưu cư của bà V: Xét thấy hiện nay bà Nguyễn Thị V ngoài chỗ ở hiện nay thì không còn chỗ ở nào khác. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V cũng không đủ khả năng nhận di sản thừa kế bằng hiện vật để thối lại giá trị thừa kế cho các kỷ phần. Do đó án sơ thẩm quyết định cho bà V lưu cư 06 tháng để tìm chỗ ở mới là phù hợp thực tiễn; tuy nhiên án sơ thẩm không xác định thời điểm bắt đầu được phép lưu cư là khó khăn cho việc thi hành án, nên cấp phúc thẩm quy định bổ sung cho phù hợp.

[2.3] Về nội dung yêu cầu miễn án phí dân sự sơ thẩm của bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Xuân T, nhận thấy: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì “*người cao tuổi*” thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 có quy định: “*Người đề nghị được miễn, giảm tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án... phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo tài liệu, chứng cứ...*”. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bà Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Xuân T không có đơn xin miễn, giảm án phí nên án sơ thẩm buộc các bà chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng pháp luật.

[3] Từ phân tích trên, hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Xuân T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Xuân T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà P và bà T.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Xuân T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 465, 467, 631, 633, 634, 638, 639, 674, 675, 676, 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu L.

- Bà Nguyễn Thị Thu L được sở hữu, sử dụng nhà đất và công trình xây dựng trên phần diện tích 84,7m² địa chỉ số 85 đường T, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định đã được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở số 11418 ngày 23 tháng 4 năm 2004 đứng tên ông Nguyễn C (chết năm 1986) và bà Trần Thị C.

- Bà Nguyễn Thị Thu L có nghĩa vụ thanh toán cho:

+ Bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Thị Thúy P, chị Nguyễn Thị Thùy L, chị Nguyễn Thị Như S, chị Nguyễn Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Hồng V số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

+ Chị Võ Thị Phương L, chị Võ Thị Xuân H, anh Võ Như A T và anh Võ H C số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

+ Bà Chương Tổ C, anh Nguyễn Quốc A và anh Nguyễn Quốc V số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

+ Bà Trần Thị Quốc A và anh Nguyễn A K số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

+ Bà Nguyễn Thị T T số tiền 950.333.000đ (Chín trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

+ Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn V H số tiền 1.900.666.000đ (Một tỷ chín trăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)

- Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn V H được lưu cư 06 tháng, kể từ ngày nhận đủ số tiền do bà Nguyễn Thị Thu L thanh toán kỷ phần thừa kế.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu L chịu 40.600.000đ (bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) được trừ 3.900.000đ (ba triệu chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003790 ngày 06.02.2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Thị Thúy P, chị Nguyễn Thị Thùy L, chị Nguyễn Thị Như S, chị Nguyễn Thị Kim C và chị Nguyễn Thị Hồng V chịu 40.600.000đ (bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Chị Võ Thị Phương L, chị Võ Thị Xuân H, anh Võ Như A T và anh Võ H C chịu 40.600.000đ (bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bà Chương Tổ C, anh Nguyễn Quốc A và anh Nguyễn Quốc V chịu 40.600.000đ (bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Quốc A và anh Nguyễn A K chịu 40.600.000đ (bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Xuân T chịu 40.600.000đ (bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị T T chịu 40.600.000đ (bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn V H chịu 69.020.000đ (sáu mươi chín triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

4. Về án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Thu L, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp đủ tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000088, 0000089 ngày 14/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Xuân T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000090 ngày 14/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (do bà Nguyễn Thị Thu L nộp thay).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000091 ngày 14/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (do bà Nguyễn Thị Thu L nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào